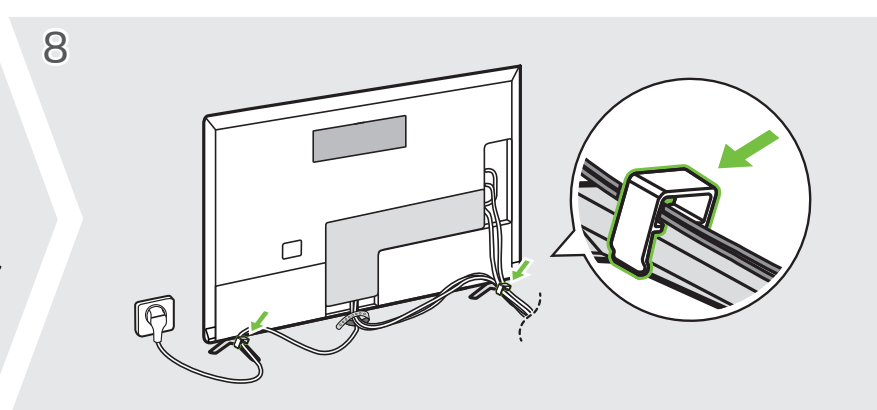
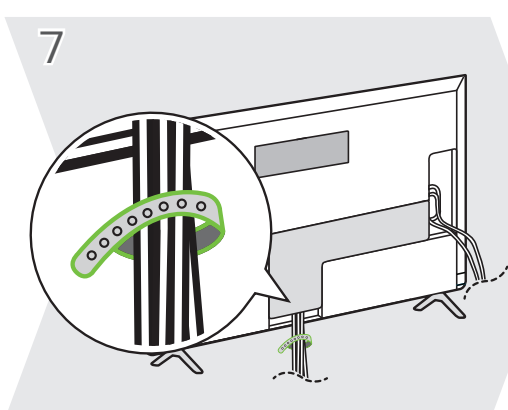
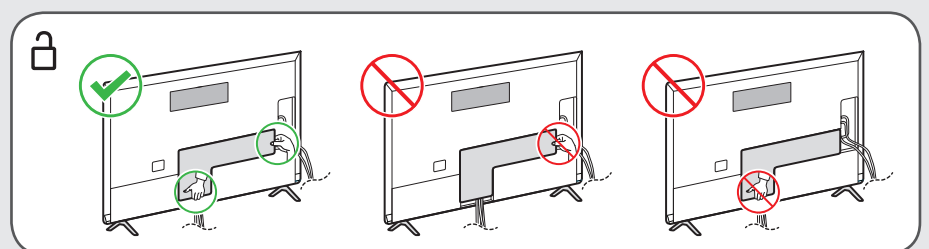
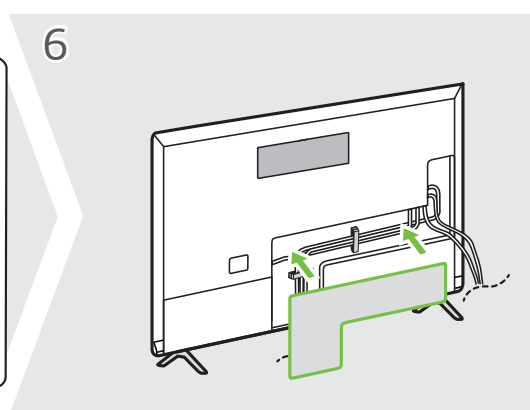
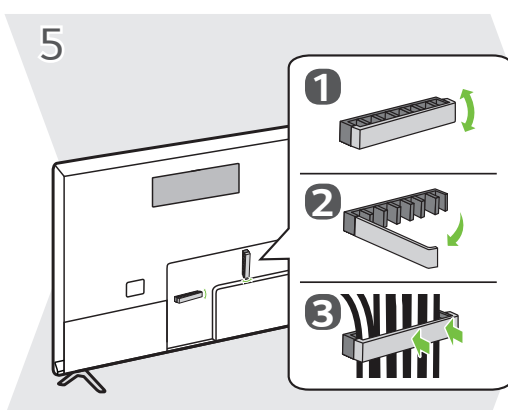
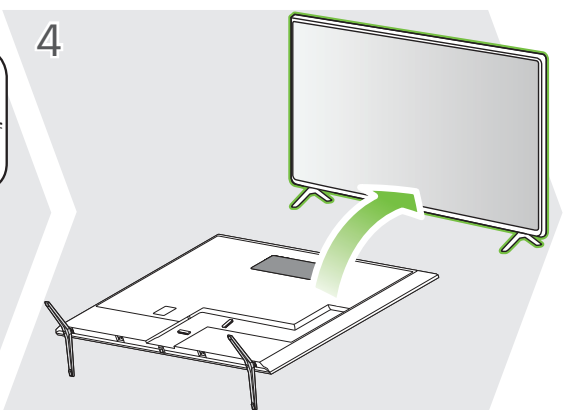
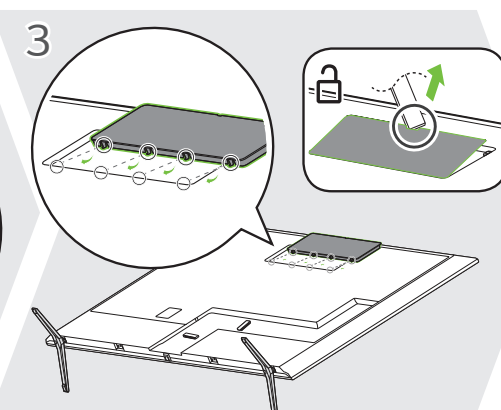
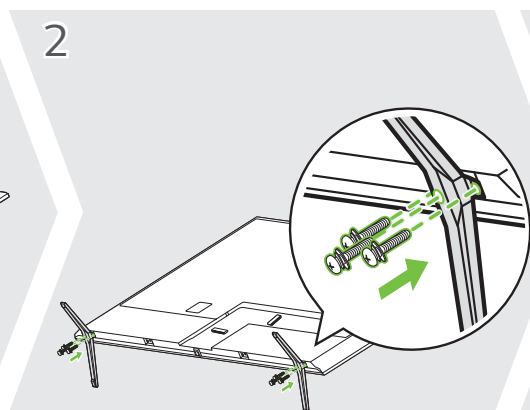
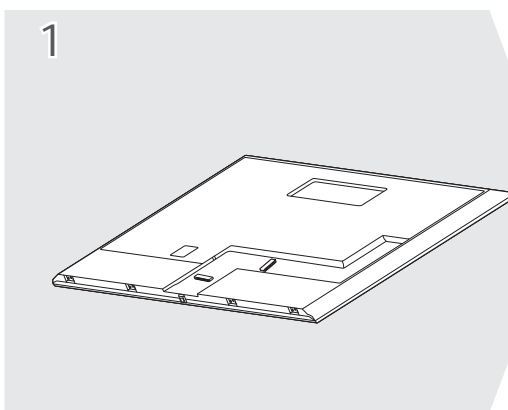
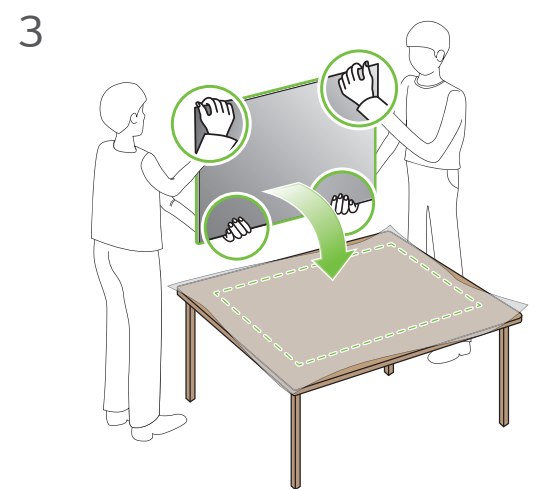
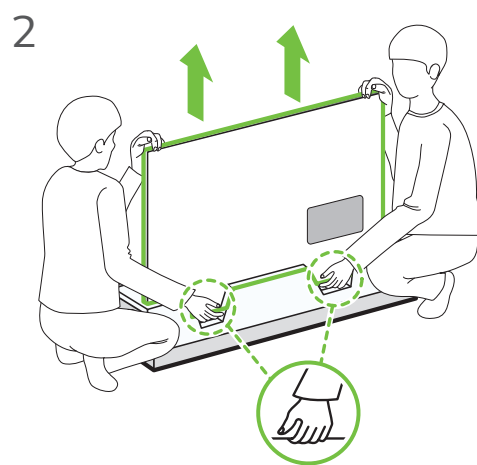
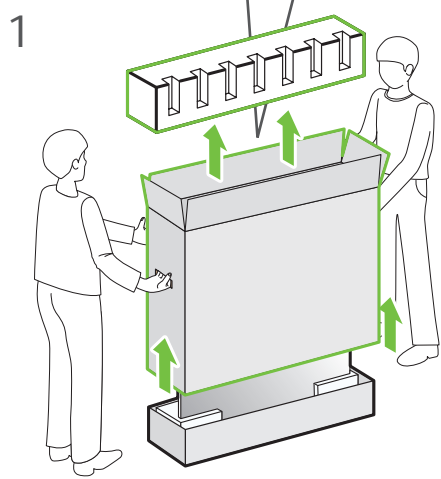
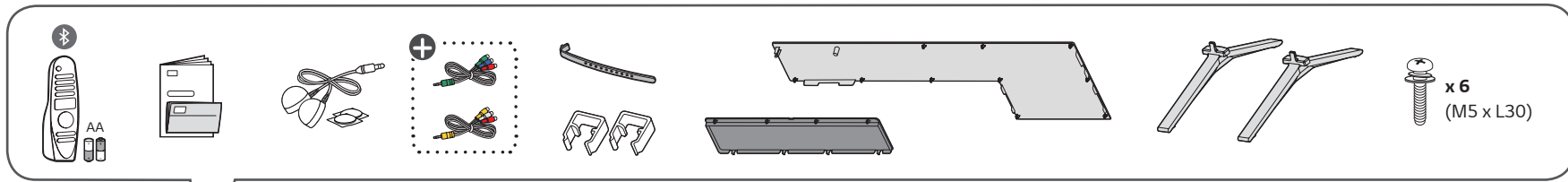
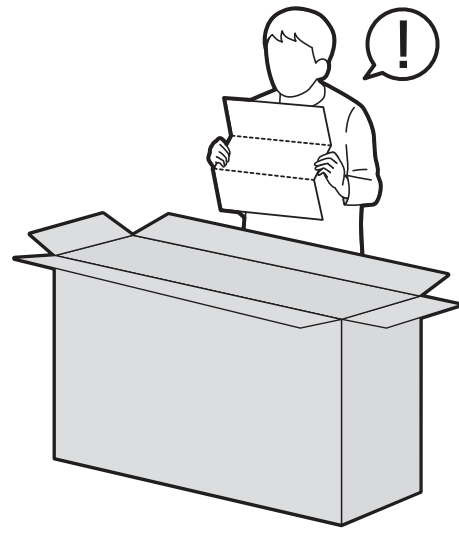
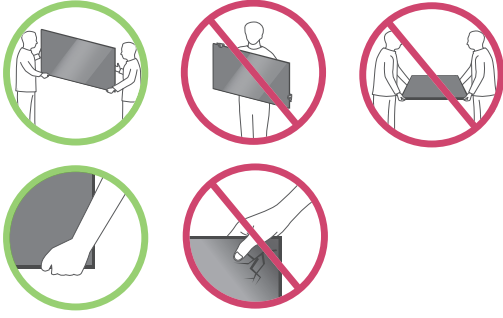
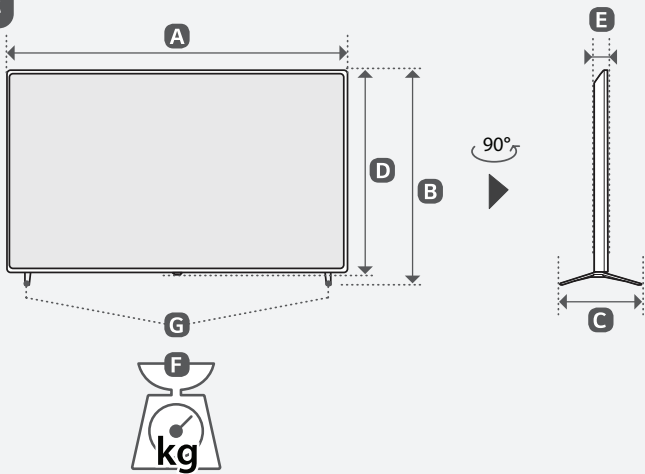
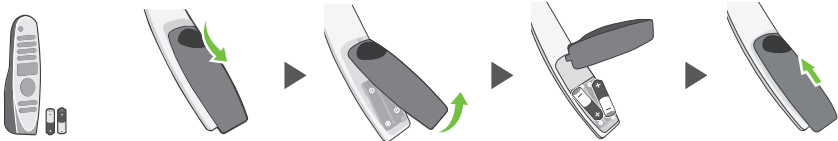
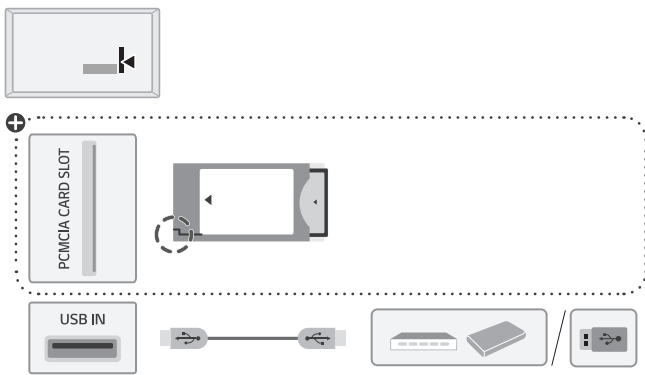
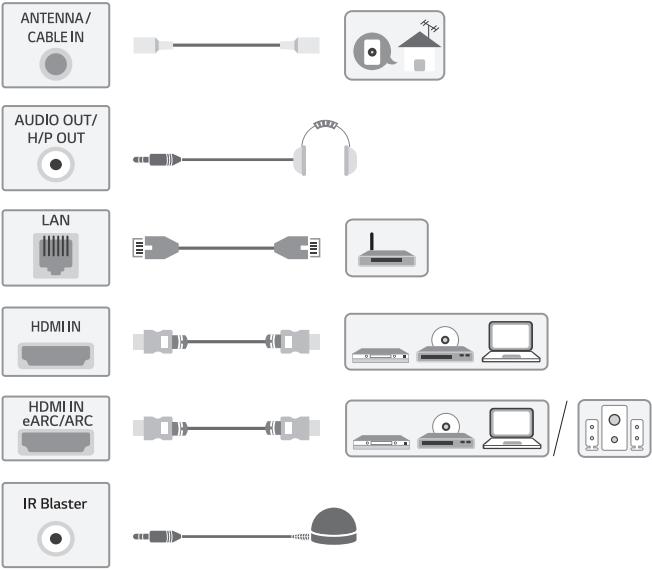
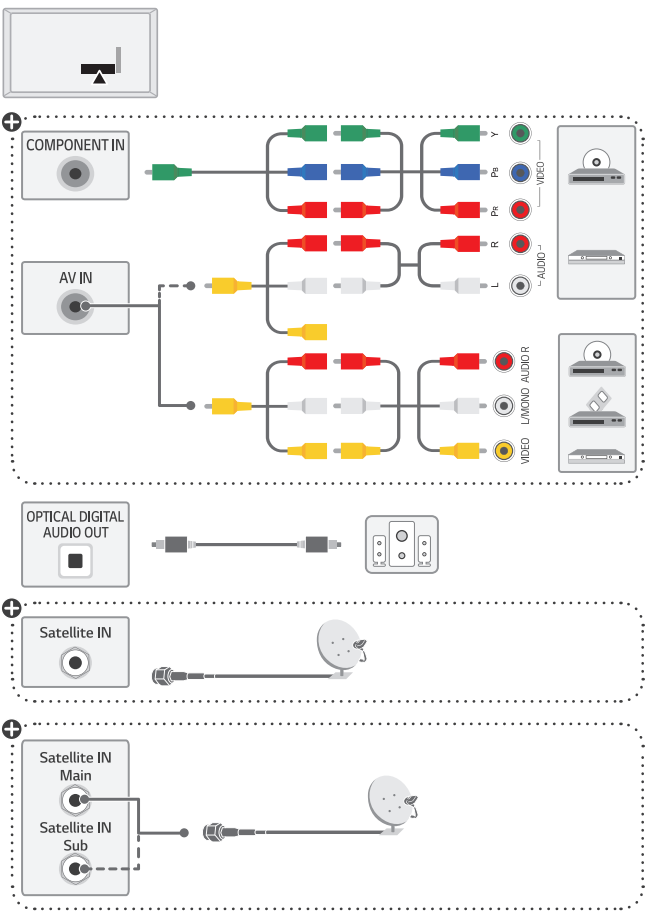


NANO99*





	A	B	C	D	E	F	F-G
	(mm)					(kg)	
75NANO99TNA	1672	1021	361	963	54.9	43.1	42.4
Power requirement / متطلبات الطاقة / Alimentation / Requisito de alimentaç�o / / แรงดันและความถี่ไฟฟ้า / Nguồn điện yêu cầu	AC 100-240 V ~ 50 / 60 Hz					تيار متردد 240-100 فولت ~ 60 / 50 هرتز	



English

- Read **Safety and Reference**.
- The Analog Gender adapter can be purchased separately at Customer Service.

Français

- Lire le document **S curit  et r f rence**.
- L'adaptateur analogique peut  tre achet  s par ment aupr s du SAV.

Portugu s

- Consulte o manual **Seguran a e refer ncia**.
- O adaptador anal gico pode ser comprado em separado no Servi o de Apoio ao Cliente da LG.

ภาษาไทย

- โปรดอานคู่มือผู้ใช้**ความปลอดภัยและการอ้างอิง**
- สายรวมสัญญาณ Component และ AV สามารถซื้อแยกต่างหากได้ที่ศูนย์บริการของบริษัท

Ti ng Vi t

- Đọc phần **An to n v  Tham khảo**.
- Đầu chuyển tín hiệu analog c  thể mua ri ng tại Trung tâm chăm s c kh ch h ng của LG.

العربية

- قراء ة ال مان والـمرجع.
- يمكن شراء النوع التناظري بشكل منفصل من دعم عملاء LG.



: Depending on model / حسب الطراز / Selon le mod le / Dependendo do modelo / ขึ้นอยู่กับรุ่น / T y theo m  s n ph m